

Số: 49/NQ-HĐND

Quỳnh Nhai, ngày 15 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ QUỲNH NHAİ
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 590/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;

Xét đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số 166/TTr-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc ban hành Nghị Quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số 55/BC-BKTNS ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026-2030

1.1. Mục tiêu

Phát huy tiềm năng, lợi thế, truyền thống đoàn kết, bản sắc văn hóa các dân tộc; tiếp tục đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ hiệu quả đáp ứng yêu cầu phát triển. Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực có lợi thế của xã. Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; phát triển du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh; phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng nông thôn mới nâng cao, giàu bản sắc. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Phấn đấu đến năm 2030, đưa xã Quỳnh Nhai phát triển xanh, nhanh, bền vững là trung tâm phát triển của vùng lòng hồ thủy điện Sơn La, góp phần đưa tỉnh Sơn La trở thành trung tâm của tiểu vùng Tây Bắc.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu: Gồm 19 chỉ tiêu (*Có phụ lục kèm theo*).

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu.

2.1. Phát triển kinh tế xanh, nhanh, bền vững

2.1.1. Tiếp tục cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển đồng bộ và tạo sự liên kết giữa các thành phần kinh tế; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển theo định hướng tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường

Tiếp tục phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ theo hướng hiện đại, dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh chuyển đổi số, kinh tế số, công dân số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động sang những ngành, lĩnh vực có năng suất và hiệu quả cao, gắn tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực với phát huy lợi thế của xã và tiếp cận với nhu cầu thị trường; gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

2.1.2. Cải thiện các điều kiện để tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, liên kết hợp tác tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế liên kết cùng phát triển

Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã...; phát huy vai trò của kinh tế tư nhân, xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội; hỗ trợ đổi mới, sáng tạo, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, dịch vụ nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững, tạo nguồn thu ổn định, vững chắc cho ngân sách nhà nước.

2.1.3. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và kinh tế nông thôn bền vững, bảo đảm an ninh lương thực, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững

Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của xã. Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để có sản phẩm nông nghiệp sạch, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Xây dựng nền nông nghiệp đặc sản tạo nên sự khác biệt gắn với chuỗi ẩm thực của tỉnh và phát triển du lịch; Ứng dụng công nghệ tiên tiến tưới tiết kiệm nước, cấp nước sinh hoạt, tái sử dụng nước.

Tập trung phát triển đàn gia súc (*trâu, bò, dê, lợn...*), chú trọng là các giống địa phương; gắn sản xuất với thị trường, bảo đảm an toàn dịch bệnh, vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh và phòng chống đói, rét cho gia súc. Kiểm soát chặt chẽ việc giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm trên địa bàn; kiểm tra vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm

Tận dụng lợi thế diện tích mặt nước vùng lòng hồ thủy điện Sơn La để phát triển nuôi trồng, khai thác thủy sản, đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật, quy trình VietGap vào sản xuất, gắn sản xuất với chế biến sản phẩm thủy sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm thủy sản. Phát triển thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu thị trường. Tăng cường công tác bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái; quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm về các hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản, trên lòng hồ thủy điện Sơn La. Thực hiện hiệu quả các chính sách đầu tư, bảo vệ, phát triển rừng; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững.

Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp bản, tiểu khu. Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh, giàu bản sắc văn hoá truyền thống. Nâng cao hiệu quả đầu tư, tích hợp một số chương trình đầu tư đang triển khai trên địa bàn nông thôn vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Huy động mạnh mẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

2.1.4. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp bền vững, trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Tạo mọi điều kiện thuận lợi khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến sản phẩm nông nghiệp; gắn hoạt động khai thác với hoạt động chế biến, hạn chế thấp nhất việc xuất bán sản phẩm thô ra ngoài thị trường. Thực hiện tốt chính sách khuyến công; hỗ trợ đào tạo lao động; hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi; đẩy mạnh phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện nước sinh hoạt, các công trình giáo dục, y tế, phúc lợi công cộng; thực hiện tốt các giải pháp về bảo vệ môi trường theo yêu cầu của phát triển bền vững tạo điều kiện cho hoạt động công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển.

2.1.5. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

Phát triển thương mại: Tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng thương mại (*đại lý phân phối sản phẩm, cửa hàng tiện lợi, kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử*) tại các khu vực tập trung đông dân cư.

Duy trì và phát triển các chợ trung tâm, chợ phiên, chợ ven sông. Tạo điều kiện để phát triển mở rộng mạng lưới kinh doanh thương mại theo quy mô hộ kinh doanh cá thể để hỗ trợ phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa. Thực hiện các giải pháp đảm bảo cân đối cung cầu, bình ổn thị trường giá cả, đảm bảo cung cấp các mặt hàng thiết yếu, nguyên vật liệu đầu vào sản xuất và thu mua nông sản hàng hóa cho nhân dân. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ chất lượng hàng hóa, xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, không niêm yết giá và bán không theo giá niêm yết.

Phát triển dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông: Tạo điều kiện, hỗ trợ để phát triển mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải và bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin tới tận các bản xa trung tâm xã, bản đặc biệt khó khăn đáp ứng nhu cầu của người dân và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển dịch vụ du lịch: Tập trung đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La trên địa bàn xã làm động lực phát triển; phát huy lợi thế văn hóa các dân tộc, tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan, bản sắc văn hóa đặc trưng của xã để hình thành sản phẩm du lịch độc đáo, khác biệt, hấp dẫn. Lấy du lịch sinh thái; du lịch cộng đồng; du lịch trải nghiệm và du lịch tâm linh làm nòng cốt cho phát triển hoạt động du lịch. Dần từng bước hiện thực mục tiêu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của xã theo Đề án phát triển kinh tế du lịch giai đoạn 2026-2030. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá giới thiệu các sản phẩm du lịch tại các sự kiện trong và ngoài tỉnh; quảng bá du lịch Quỳnh Nhai trên các nền tảng truyền thông mạng xã hội.

2.1.6. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư công

Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát đối với tất cả các bước trong quá trình đầu tư xây dựng bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện. Thực hiện đầy đủ các nội dung của công tác giám sát cộng đồng và công tác báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư để kịp thời xử lý, khắc phục những hạn chế trong xây dựng công trình. Xây dựng và thực hiện tốt quy chế quản lý, sử dụng công trình sau đầu tư.

Tập trung thực hiện có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn năm 2026-2030 theo hướng đầu tư tập trung, có trọng điểm, ưu tiên xây dựng các dự án thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai và phục vụ nhu cầu sản xuất đời sống của người dân.

2.1.7. Quyết tâm thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước nhằm phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước

Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Triển khai quyết liệt các biện pháp thu ngân sách Nhà nước, tổ chức

khai thác tốt các nguồn thu; thực hiện đồng bộ các biện pháp chống thất thu và nợ đọng thuế, khai thác nguồn thu, phát triển nguồn thu bền vững, phân đầu hoàn thành và vượt kế hoạch thu ngân sách. Điều hành, quản lý nhiệm vụ chi ngân sách, bảo đảm đúng quy định; đảm bảo kịp thời nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết. Thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách, sử dụng tài sản công, cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công; ưu tiên nguồn lực cho thực hiện các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng nông thôn mới nâng cao và phòng chống dịch bệnh.

2.1.8. Tiếp tục khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển

Triển khai thực hiện Đề án phát triển kinh tế tư nhân giai đoạn 2025-2030. Phát huy vai trò của kinh tế tư nhân, xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năng động, hiệu quả góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an sinh xã hội. Phát triển các mô hình hợp tác xã nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp gắn liền với các sản phẩm ngành nghề nông thôn và sản phẩm chủ lực của xã. Xây dựng các chuỗi liên kết doanh nghiệp, hợp tác xã chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng.

Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực có chất lượng; thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thiểu các thủ tục không cần thiết, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và tham gia vào thị trường; khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới, tự động hóa sản xuất. Đẩy mạnh hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; tiếp tục thực hiện việc giải thể, chấm dứt tồn tại đối với các hợp tác xã không hoạt động; tuyên truyền, vận động thành lập mới các hợp tác xã trên địa bàn.

2.1.9. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ

Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng đường giao thông nông thôn, trọng tâm là cứng hóa đường đến trung tâm bản, đường nội đồng, nội bản gắn với các Chương trình mục tiêu Quốc gia; coi trọng và dành nguồn lực hợp lý để thực hiện tốt công tác quản lý, bảo trì đường bộ. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình thủy lợi, cấp nước, phòng chống thiên tai phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất. Tiếp tục nâng cấp, sửa chữa các công trình hồ, đập, kênh mương hiện có đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh ở nông thôn gắn

với phát triển đô thị. Gắn việc phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn với chương trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

Phát triển khu vực đô thị và nông thôn theo hướng đồng bộ, hài hòa, phù hợp với đặc điểm địa phương; chú trọng yếu tố đặc trưng, chức năng và bản sắc riêng, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững; phù hợp với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tăng cường thu hút, huy động các nguồn lực đầu tư vào hạ tầng du lịch, phát triển vùng đô thị gắn với vùng lòng hồ và lưu vực sông Đà.

Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu áp dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông công nghệ thông tin. Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng xã hội (*giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao...*). Kiện toàn tổ chức, bộ máy, đơn vị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công nghệ thông tin để thực hiện các nhiệm vụ quản lý, vận hành các hệ thống quản lý, thông tin, cơ sở dữ liệu tập trung. Hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng nội dung số; đồng hành và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đẩy mạnh phát triển hạ tầng viễn thông... góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

2.1.10. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

Chủ động triển khai Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội; triển khai hiệu quả Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng, hoàn thiện, kết nối và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu chuyên ngành; phát triển hạ tầng số đồng bộ, an toàn, hiện đại; nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

Thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và hợp tác xã áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất các sản phẩm nông sản cốt lõi, có lợi thế phát triển của xã. Xây dựng hệ thống tiếp công dân trực tuyến 02 cấp tại Trung tâm hành chính công và địa điểm tiếp công dân.

Tổ chức và thực hiện phổ biến thông tin khoa học và công nghệ, thông tin thông kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương; phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng đưa tri thức khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo đến với mọi đối tượng; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Đẩy mạnh đào tạo nghề nông thôn, tăng cường phối hợp giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trong công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng thực hành, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động và tạo việc làm

bền vững sau đào tạo. Quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, bản lĩnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2.2. Phát triển văn hóa, xã hội và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

2.2.1. Lĩnh vực Văn hoá, thể thao

Xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao sâu rộng, bền vững, toàn diện, vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân. Đẩy mạnh thực hiện phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; chú trọng nâng cao chất lượng phong trào xây dựng và giữ vững danh hiệu “*Gia đình văn hóa*”. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa, xây dựng truyền thông chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc. Khuyến khích xã hội hóa và huy động các nguồn vốn để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở, nhất là ở các bản xa trung tâm xã, bản đặc biệt khó khăn để phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người, chú trọng phát triển thể dục thể thao cơ sở. Phấn đấu đến năm 2030, trên 80% dân số được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa.

Phát huy các nhân tố tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng; đồng thời ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng tự do tôn giáo, tín ngưỡng, các vấn đề văn hóa để chống phá chế độ, các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan. Xây dựng văn hóa gia đình, nhà trường và xã hội nhằm bảo vệ, gìn giữ thuần phong mỹ tục, tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Xây dựng môi trường văn hóa công sở trong sạch, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội, thực dụng. Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, gìn giữ các giá trị văn hóa cho thế hệ mai sau, xây dựng xã Quỳnh Nhai trở thành địa chỉ hấp dẫn, là điểm đến để giao lưu văn hóa.

Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống thiết chế và cơ sở hạ tầng thể thao; đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng, giáo dục thể chất và thể thao học đường.

2.2.2. Y tế

Củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở với quan điểm y tế cơ sở là nền tảng, phát triển vững chắc hệ thống y tế cơ sở, xây dựng mạng lưới y tế rộng khắp, gần dân. Nâng cao năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở và năng lực ứng phó dịch bệnh; tăng cường kiểm soát an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và sức khỏe cộng đồng. Thực hiện tốt Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về tăng cường bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân; triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc

gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển, chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng, chống bệnh không lây nhiễm và bệnh nghề nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế, mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân; từng bước thiết lập hệ thống số sức khỏe điện tử của người dân. Phấn đấu mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn dân; mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng. Từng bước giảm gánh nặng chi phí y tế, người dân được miễn viện phí ở mức cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình và theo chủ trương, chỉ đạo của Trung ương. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng thiết yếu hằng năm đạt trên 95%.

2.2.3. Giáo dục, lao động

Thực hiện miễn toàn bộ học phí cho học sinh từ mầm non tới hết lớp 12 trong các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2025-2026. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chú trọng phát triển giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; đến năm 2030, có ít nhất 75% người học trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người; chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là cho thế hệ trẻ.

Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; nâng cao ý thức tự học, tự rèn luyện, tự trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ của mọi người dân, mọi lứa tuổi. Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục, đào tạo.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; quan tâm hỗ trợ đào tạo nghề ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn phù hợp với trình độ, điều kiện và lợi thế phát triển của xã, đào tạo nghề nghiệp gắn với thị trường lao động; Tiếp tục đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Mở rộng khai thác và phát triển thị trường lao động theo hướng duy trì các thị trường truyền thống, khai thác một số thị trường mới có nhiều tiềm năng, có việc làm ổn định, thu nhập cao. Tăng cường nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức,

người lao động; Phần đầu đến năm 2030, 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản; 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

2.2.4. An sinh xã hội

Phát triển kinh tế phải đi đôi với đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, người yếu thế, vùng đặc biệt khó khăn. Từng bước giảm chênh lệch, phân hóa giàu nghèo, tăng cơ hội phát triển cho các tầng lớp dân cư. Tiếp tục quan tâm thực hiện tốt công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát, giúp người dân an cư lạc nghiệp, vươn lên thoát nghèo bền vững. Giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người có công với cách mạng. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu Quốc gia; tập trung triển khai thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo, các đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo, đặc biệt là quan tâm chăm lo phát triển sản xuất, tổ chức lại sản xuất, ổn định dân cư để cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức vươn lên thoát nghèo, từng bước xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại của một bộ phận người dân và cán bộ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân trong phòng, chống ma túy; thực hiện thường xuyên, liên tục, đồng bộ các giải pháp góp phần xây dựng xã hội an toàn, lành mạnh, Nhân dân hạnh phúc, kinh tế - xã hội phát triển bền vững.

2.3. Quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực đất đai, tài nguyên được bảo đảm tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất; tăng cường bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

2.3.1. Tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa nền kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ. Thúc đẩy phát triển các cụm ngành kinh tế gắn kết chặt chẽ với các hoạt động tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ bền vững. Hạn chế các ngành kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường;

Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Nâng cao hiệu quả sử dụng và có giải pháp huy động hợp lý nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản, bảo đảm công khai, minh bạch, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm.

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giao đất, cho thuê đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng các dự án; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Tăng cường năng lực quản lý, thu gom, xử lý rác thải tại đô thị và nông thôn; hình thành mô hình phân loại rác thải tại nguồn.

Chủ động triển khai các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu; kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả, sớm ổn định đời sống dân cư khi có thiên tai xảy ra. Huy động, lồng ghép các nguồn lực để đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, nhất là tại các khu vực có nguy cơ cao về sạt lở, lũ quét, ngập úng.

Phát huy vai trò của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân và doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

2.3.2. Giải pháp về năng lượng tái tạo, tiết kiệm và hiệu quả

Tập trung thu hút các nhà đầu tư các dự án năng lượng tái tạo để góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng của xã. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức cho cộng đồng, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong chiếu sáng công cộng; trong kinh doanh, dịch vụ, quảng cáo và trong sinh hoạt. Thu hút, phát triển công nghệ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng.

Chủ động triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp sẵn sàng ứng phó với các loại hình thiên tai. Đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai chương trình phòng, chống lũ lụt, sạt lở vùng trung du và miền núi theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh. Chủ động di dời, tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao.

2.3.3. Giải pháp về quản lý, phát triển đô thị và nông thôn

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị, nông thôn theo hướng bền vững, xanh, văn minh, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc và bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khả thi. Phát triển đô thị gắn kết hài hòa với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đồng thời liên kết chặt chẽ với xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển xã hội, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

Đẩy mạnh phát triển nhà ở, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, liên kết chặt chẽ, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập

trung rà soát, lập mới và điều chỉnh hệ thống quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn đảm bảo chất lượng, đồng bộ, thống nhất; phù hợp với định hướng sắp xếp đơn vị hành chính theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cũng như với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội thực tế tại địa phương.

Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng. Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung, thống nhất, mang tính tích hợp. Tổ chức thực hiện tốt việc kiểm soát gia tăng dân số tạm trú, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng.

2.4. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

2.4.1. Về Quốc phòng

Tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đảm bảo đủ về số lượng, mạnh về chất lượng; duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hàng năm, đảm bảo chỉ tiêu, chất lượng và đúng quy trình. Nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng - an ninh cho các đối tượng, nhất là cán bộ, đảng viên, học sinh và nhân dân.

Tăng cường công tác giáo dục, quán triệt, tuyên truyền trong mọi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hiểu rõ hơn về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong tình hình mới; trong đó chú trọng nâng cao công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng và giáo dục, tuyên truyền kiến thức quốc phòng, an ninh cho học sinh và trong nhân dân, để từ đó nâng cao trình độ nhận thức, ý thức cảnh giác cách mạng cho mọi người, chủ động đấu tranh có hiệu quả với các âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Phát huy tốt vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang trong giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, nâng cao chất lượng xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ xã.

Tăng cường xây dựng lực lượng tại chỗ (*dân quân tự vệ, tự vệ*), nâng cao nhận thức và trách nhiệm của nhân dân, kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh và thường xuyên diễn tập, huấn luyện thực tế.

2.4.2. Về tình hình, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự. Tăng cường lãnh đạo công tác cải cách hành chính, chú trọng thực hiện công tác nắm địa bàn, nắm hộ, nắm người, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều

kiện về an ninh, trật tự; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo. Thực hiện tốt công tác phòng, chống cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ.

Triển khai các giải pháp để phòng ngừa, ngăn chặn hiệu quả hoạt động của các loại tội phạm. Phát huy sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, toàn dân tham gia phòng chống tội phạm, hạn chế thấp nhất những nguyên nhân, điều kiện nảy sinh tội phạm. Tổ chức các đợt cao điểm tấn công trấn áp, truy nã tội phạm theo chuyên đề, đối tượng; kiên quyết xử lý các loại tội phạm hình sự, ma túy, trộm cắp, cờ bạc, lừa đảo công nghệ cao... Thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, tập trung giữ vững các bản, tiểu khu đạt tiêu chuẩn không có ma túy; phấn đấu chuyển hóa các bản có ma túy thành không có ma túy, phục vụ chuyển hóa xây dựng xã không có ma túy.

Tăng cường lãnh đạo xây dựng phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”. Củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của lực lượng bảo vệ cơ quan, trường học và đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở; kiện toàn, nhân rộng các mô hình tự phòng, tự quản, tự bảo vệ an ninh, trật tự bảo đảm phát huy vai trò, trách nhiệm của nhân dân tham gia công tác bảo vệ an ninh, trật tự ngay từ cơ sở.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Hội đồng nhân dân xã kêu gọi nhân dân các dân tộc, chiến sỹ lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần đoàn kết, huy động mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Quỳnh Nhai khoá I, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban Thường trực UBMTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT, 50 bản.

CHỦ TỊCH

Lường Thị Phượng

PHỤ LỤC CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 15/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu NQ ĐH Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030	ƯTH 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030					
					2026	2027	2028	2029	2030	
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ									
1	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	25,00	7,22	9,50	12,00	15,00	20,00	25,00	
2	Sản lượng nông nghiệp chủ yếu:	Tấn	25.000	5.414,85	5.569,90	5.617,00	5.617,00	5.640,55	5.664,10	
	+ Trồng trọt	Tổng diện tích cây lương thực có hạt, TĐ:	Ha	1.141,50	1.141,5	1.144,00	1.144,00	1.144,00	1.144,00	1.144,00
		+ Lúa chiêm xuân	Ha	262,50	262,50	265,00	265,00	265,00	265,00	265,00
		+ Lúa mùa	Ha	408,00	408,00	408,00	408,00	408,00	408,00	408,00
		+ Ngô	Ha	471,00	471,00	471,00	471,00	471,00	471,00	471,00
		Cây ăn quả	Ha	900,00	710,00	750,00	770,00	815,00	860,00	900,00
	+ Chăn nuôi	Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	5.680,00	1.200	1.255	1.371	1.422	1.478	1.519
		Đàn trâu	Con	2.500	2.500	2.614	2.680	2.750	2.820	2.910
		Đàn bò	Con	9.600	9.520	9.888	9.900	9.950	9.990	10.000
		Đàn lợn	Con	25.000	24.800	25.000	25.500	26.000	26.500	27.000
		Đàn dê	Con	7.000	6.650	6.650	6.700	6.800	6.900	7.000
		Đàn gia cầm	Ng.Con	200	126,5	135	140	160	180	200
	+ Thủy sản	Diện tích nuôi trồng	Ha	89,70	89,70	90,00	90,00	90,00	90,00	90,00
		Sản lượng nuôi, đánh bắt	Tấn	8.000	1.150	1.305	1.338	1.365	1.395	1.450
3	+ Du lịch	Tổng lượt khách du lịch	Nghìn lượt	300	226	250	260	270	285	300
		Doanh thu từ hoạt động du lịch	Tỷ đồng	150	102,00	110,00	115	130	140	150
4	Thành lập mới doanh nghiệp, hợp	Số lượng	20,00	3,00	4,00	4,00	4,00	4,00	4,00	

